

Số: 01/2018/TT-TANDTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2018

THÔNG TƯ**Quy định công tác thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân**

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định công tác thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định công tác thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân, bao gồm: đối tượng, nguyên tắc thi đua, khen thưởng; Cụm thi đua; tổ chức thi đua, danh hiệu và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; loại hình, hình thức, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học - Sáng kiến, Quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Đối với Tòa án quân sự các cấp, Thông tư này chỉ quy định việc xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: “Cờ thi đua Tòa án nhân dân”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án”, “Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao”, danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân cho tập thể, cá nhân.

Điều 2. Đối tượng thi đua

1. Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Học viện Tòa án.
2. Các Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án quân sự các cấp.

3. Các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Tòa án nhân dân cấp tỉnh).

4. Các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (sau đây gọi chung là Tòa án nhân dân cấp huyện).

5. Các tập thể nhỏ thuộc các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

6. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (kể cả đang trong thời gian tập sự, thử việc) làm việc trong các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này.

Điều 3. Đối tượng khen thưởng

1. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này.

2. Tập thể, cá nhân không thuộc Tòa án nhân dân, Hội thẩm nhân dân, Hội thẩm quân nhân có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển của Tòa án nhân dân.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua

1. Tự nguyện, tự giác, công khai, dân chủ.

2. Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

3. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua và thành tích công tác.

Tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua phải đăng ký thi đua; xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua.

Không đăng ký thi đua thì không được xét tặng danh hiệu thi đua.

Điều 5. Nguyên tắc khen thưởng

1. Dân chủ, chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.

2. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được.

3. Trong một năm, không trình hai hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một đối tượng (đối với cá nhân chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”); trừ trường hợp đạt thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, khen thưởng quá trình công hiến, khen thưởng theo niên hạn trong lực lượng vũ trang (nếu có).

4. Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng.

5. Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

6. Khen thưởng phải căn cứ vào thành tích đạt được. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích cuối năm để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng (kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp



trên khen thưởng). Không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để đề nghị nâng mức khen thưởng lần sau. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu và có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

7. Khi xét khen thưởng đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

8. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

9. Tập thể, cá nhân không được xét khen thưởng vì có bản án, quyết định bị huỷ, sửa, nhưng sau đó Hội đồng xét xử giám đốc thẩm kết luận việc huỷ, sửa đó là chưa chính xác thì được xem xét, đề nghị khen thưởng bổ sung.

10. Không xét khen thưởng đối với tập thể có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang bị khởi tố hình sự. Các tập thể có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật khiển trách vẫn có thể được xét đề nghị khen thưởng, nhưng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của tập thể đó phải thấp hơn một bậc so với các tập thể khác có cùng thành tích.

11. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung (trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung).

Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn của một hình thức khen thưởng thì ưu tiên khen thưởng cá nhân nữ, tập thể có tỷ lệ nữ cao hơn.

12. Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian đề nghị khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

13. Trường hợp tính số người, số tập thể kết quả là số thập phân thì được làm tròn số: Dưới 0,5 được tính là 0, từ 0,5 trở lên được tính là 1.

14. Cấp nào chủ trì phát động thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các điển hình, thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng (đối với trường hợp thành tích xuất sắc, tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng rộng hơn cấp đó).

Điều 6. CỤM THI ĐUA

1. Các CỤM THI ĐUA của Tòa án nhân dân, gồm:

a) CỤM THI ĐUA SỐ I, Tòa án nhân dân hai cấp thuộc 14 tỉnh (thành phố) khu vực đồng bằng và trung du Bắc bộ: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh.



b) Cụm thi đua số II, Tòa án nhân dân hai cấp thuộc 14 tỉnh miền núi phía Bắc: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Hoà Bình, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ.

c) Cụm thi đua số III, Tòa án nhân dân hai cấp thuộc 12 tỉnh (thành phố) khu vực duyên hải miền Trung và Tây nguyên: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Phú Yên, Khánh Hoà.

d) Cụm thi đua số IV, Tòa án nhân dân hai cấp thuộc 10 tỉnh (thành phố) khu vực miền Đông Nam bộ: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Đắk Nông, Lâm Đồng, thành phố Hồ Chí Minh.

đ) Cụm thi đua số V, Tòa án nhân dân hai cấp thuộc 13 tỉnh (thành phố) khu vực miền Tây Nam bộ: Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, Hậu Giang, Cần Thơ.

e) Cụm thi đua số VI, gồm 12 đơn vị (thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Học viện Tòa án): Văn phòng, Cục Kế hoạch - Tài chính, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Ban Thanh tra, Vụ Tổ chức - Cán bộ, Vụ Tổng hợp, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Thi đua - Khen thưởng, Vụ Công tác phía Nam, Báo Công lý, Tạp chí Tòa án nhân dân, Học viện Tòa án.

g) Cụm thi đua số VII, gồm 06 đơn vị: các Tòa án nhân dân cấp cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh) và các Vụ Giám đốc kiểm tra (I, II, III) thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

h) Cụm thi đua số VIII, gồm: Tòa án quân sự các cấp.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cụm thi đua được thực hiện theo Quy chế hoạt động của các Cụm thi đua trong Tòa án nhân dân do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

3. Trưởng Cụm và Phó Trưởng Cụm thi đua hàng năm do Cụm thi đua bầu và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao.

Trưởng Cụm thi đua tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Cụm thi đua và chịu trách nhiệm trước Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về mọi hoạt động của Cụm thi đua.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể; các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị; các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc giống nhau hoặc gần giống nhau.

Tổ chức thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị hoặc theo Cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua, đăng ký thi đua.

Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Trưởng Cụm thi đua tiến hành tổng kết và xét tặng các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, đơn vị.

Cơ quan, đơn vị chỉ phát động thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian thực hiện.

Thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề được tổ chức trong phạm vi cơ quan, đơn vị hoặc trong Tòa án nhân dân.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề có phạm vi toàn hệ thống Tòa án nhân dân trong thời gian từ 03 năm trở lên, Tòa án nhân dân tối cao gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tổng hợp và hướng dẫn xét khen thưởng.

Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các nội dung và chỉ tiêu thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải bảo đảm khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị và có tính khả thi.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức phát động thi đua phù hợp; chú trọng tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua, tránh các biểu hiện phô trương, hình thức trong hoạt động thi đua.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia phong trào thi đua; theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện; tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm.

4. Sơ kết, tổng kết phong trào, đánh giá kết quả thi đua; đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua phải tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua để tuyên truyền, tôn vinh điển hình tiên tiến và khen thưởng.

Điều 9. Tuyên truyền, xây dựng điển hình tiên tiến

1. Căn cứ tiêu chí, kết quả thực hiện phong trào thi đua để phát hiện lựa chọn và đăng ký xây dựng mô hình, gương điển hình tiên tiến của cơ quan, đơn vị.

2. Trên cơ sở các mô hình, gương điển hình tiên tiến đã phát hiện, lựa chọn, đăng ký; cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến.

Điều 10. Đăng ký (thi đua, xây dựng mô hình, gương điển hình tiên tiến)

1. Các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 2 Thông tư này tổ chức cho các cá nhân, tập thể thuộc quyền quản lý đăng ký (thi đua, xây dựng mô hình, gương điển hình tiên tiến) theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này và gửi 01 bản về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng), 01 bản gửi về Trường Cụm thi đua trước ngày 25 tháng 02 hàng năm.

2. Các trường hợp được coi là không đăng ký thi đua:

- a) Đăng ký thi đua không rõ ràng, không nêu cụ thể tên của tập thể, cá nhân đăng ký thi đua;
- b) Không nêu rõ danh hiệu thi đua cần đăng ký;
- c) Gửi bản đăng ký thi đua không đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Giao ước thi đua

Các Cụm thi đua tổ chức ký giao ước thi đua và gửi về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 25 tháng 02 hàng năm

Điều 12. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

- a) “Lao động tiên tiến”;
- b) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- c) “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân”;
- d) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể

- a) “Tập thể lao động tiên tiến”;
- b) “Tập thể lao động xuất sắc”;
- c) “Cờ thi đua Tòa án nhân dân”;
- d) “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Điều 13. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao. Đối với Thẩm phán, tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan không vượt quá tỷ lệ quy định của Tòa án nhân dân tối cao (02 bản án, quyết định bị hủy một phần được tính là 01 bản án, quyết định bị hủy);

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích hoặc bị tổn hại sức khỏe phải điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Thời gian nghỉ thai sản, nghỉ phép theo quy định của pháp luật được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên, người giữ chức danh tư pháp có hành vi vi phạm bị kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật.

Điều 14. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học được Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở công nhận hoặc đã được nghiệm thu áp dụng.

2. Tỷ lệ cá nhân được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không vượt quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Điều 15. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khoa học có tác dụng ảnh hưởng đối với hệ thống Tòa án nhân dân được Hội đồng Khoa học - Sáng kiến Tòa án nhân dân công nhận.

2. Thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân” là năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

Điều 16. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân”, trong đó có 06 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc được Hội đồng Khoa học - Sáng kiến Tòa án nhân dân công nhận.

2. Thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân” lần thứ hai.

Điều 17. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch công tác được giao; tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do nguyên nhân chủ quan không vượt quá tỷ lệ quy định của Tòa án nhân dân tối cao (02 bản án, quyết định bị hủy một phần được tính là 01 bản án, quyết định bị hủy);

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Không xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” đối với tập thể mới thành lập dưới 10 tháng.

Điều 18. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”;

b) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do nguyên nhân chủ quan không vượt quá tỷ lệ quy định của Tòa án nhân dân tối cao (02 bản án, quyết định bị hủy một phần được tính là 01 bản án, quyết định bị hủy);

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 19. Danh hiệu “Cờ thi đua Tòa án nhân dân”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua Tòa án nhân dân” được xét tặng hàng năm cho các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 Thông tư này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;

b) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

c) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong Tòa án nhân dân học tập;

d) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

đ) Được ít nhất 2/3 số đơn vị trong Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương), Cụm thi đua (đối với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Học viện Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự các cấp) bình xét, bỏ phiếu tín nhiệm đề nghị là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua.

2. Số lượng “Cờ thi đua Tòa án nhân dân” (kể cả đề đề nghị “Cờ thi đua của Chính phủ”) được phân bổ tối đa như sau:

a) Cụm thi đua số I: 05 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

b) Cụm thi đua số II: 05 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

c) Cụm thi đua số III: 05 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

d) Cụm thi đua số IV: 04 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

đ) Cụm thi đua số V: 05 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

e) Cụm thi đua số VI: 04 cờ;

g) Cụm thi đua số VII: 02 cờ;

h) Cụm thi đua số VIII: 04 cờ.

3. Đối với các đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở thực hiện xét, đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua Tòa án nhân dân” theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư này, trên cơ sở tỷ lệ 10% trên tổng số đơn vị cấp huyện (đối với các địa phương có dưới 10 đơn vị cấp huyện, được bình xét đề nghị 01 đơn vị; những tỉnh có tính chất đặc thù, tỷ lệ có thể cao hơn 10%).

Số lượng phân bổ tối đa “Cờ thi đua Tòa án nhân dân” cho các đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định của Tòa án nhân dân tối cao.

4. Việc tăng, giảm, điều chuyển số lượng Cờ thi đua Tòa án nhân dân ở các Cụm thi đua do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân.



Điều 20. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng hàng năm cho các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 Thông tư này (trừ Tòa án quân sự các cấp) đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Cờ thi đua Tòa án nhân dân”;

b) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

c) Được ít nhất 2/3 số đơn vị trong Cụm thi đua tín nhiệm, bỏ phiếu suy tôn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Tòa án nhân dân.

2. Số lượng “Cờ thi đua của Chính phủ” được phân bổ tối đa như sau:

a) Cụm thi đua số I: 02 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 02 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

b) Cụm thi đua số II: 02 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 02 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

c) Cụm thi đua số III: 02 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 02 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

d) Cụm thi đua số IV: 02 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 02 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

đ) Cụm thi đua số V: 02 cờ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 02 cờ cho Tòa án nhân dân cấp huyện;

e) Cụm thi đua số VI: 02 cờ;

g) Cụm thi đua số VII: 01 cờ;

3. Đối với Tòa án nhân dân cấp huyện, được xem xét, đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Chính phủ” cho các đơn vị trong năm công tác có số lượng vụ việc thụ lý khoảng từ 1000 vụ việc trở lên. Đối với các đơn vị thuộc các tỉnh miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo số lượng vụ án có thể thấp hơn quy định, nhưng phải có phong trào thi đua thật nổi trội, thành tích đặc biệt xuất sắc và các trường hợp này do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân xem xét, quyết định theo đề nghị của Cụm thi đua.

Mỗi Tòa án nhân dân cấp tỉnh được lựa chọn, giới thiệu không quá 01 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện đủ điều kiện để Cụm thi đua bình xét, đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Chương III

LOẠI HÌNH, HÌNH THỨC, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 21. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



2. Khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước. Thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích, đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 22. Các hình thức khen thưởng

1. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

a) Huân chương: “Huân chương Sao vàng”; “Huân chương Hồ Chí Minh”; “Huân chương Độc lập” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; “Huân chương Lao động” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; “Huân chương Dũng cảm”; “Huân chương Hữu nghị”;

b) “Huy chương Hữu nghị”;

c) Danh hiệu vinh dự nhà nước: “Anh hùng Lao động”;

d) “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”;

đ) “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

Tiêu chuẩn khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 (được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013); Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của của Luật thi đua, khen thưởng; Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

2. Các hình thức khen thưởng của Tòa án nhân dân

a) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án”;

b) “Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao”;

c) “Giấy khen”;

d) Danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân: “Thẩm phán giỏi”, “Thẩm phán tiêu biểu”, “Thẩm phán mẫu mực”.

Điều 23. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án”

1. Là hình thức tặng thưởng của Tòa án nhân dân tối cao để ghi nhận thành tích, công lao của cá nhân có đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Tòa án nhân dân. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án” được xét tặng hàng năm vào dịp Kỷ niệm ngày truyền thống Tòa án nhân dân “13/9”.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục xét tặng được thực hiện theo Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án” do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

Điều 24. “Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao”

1. “Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao” để tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất.

2. “Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao” để tặng cho cá nhân (kể cả Hội thẩm nhân dân, Hội thẩm quân nhân) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Tòa án nhân dân;

c) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý xác nhận; trong thời gian đó, có 02 sáng kiến, giải pháp áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở được Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở công nhận.

Đối với các Hội thẩm nhân dân, Hội thẩm quân nhân: có 02 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ được Thủ trưởng (cơ quan, đơn vị hoặc chính quyền địa phương) nơi quản lý xác nhận.

3. “Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Tòa án nhân dân;

c) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể.

Điều 25. “Giấy khen”

1. “Giấy khen” để tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất.

2. “Giấy khen” để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Số lượng cá nhân được tặng “Giấy khen” không vượt quá 30% số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. “Giấy khen” để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Tòa án nhân dân;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Số lượng tập thể được tặng “Giấy khen” không vượt quá 50% số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

6. Không tặng “Giấy khen” vào dịp tổng kết công tác cuối năm cho tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” trở lên hoặc cho cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” trở lên.

Điều 26. Danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân

1. Danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân, gồm: “Thẩm phán giỏi”, “Thẩm phán tiêu biểu”, “Thẩm phán mẫu mực”.

2. Danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân được xét tặng hàng năm.

3. Đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân được thực hiện theo Quy chế xét tặng danh hiệu “Thẩm phán giỏi”, “Thẩm phán tiêu biểu”, “Thẩm phán mẫu mực” do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

Chương IV

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 27. Thẩm quyền quyết định, đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Tòa án nhân dân

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định tặng các danh hiệu thi đua: “Cờ thi đua Tòa án nhân dân”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và các hình thức khen thưởng: Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án”, “Bằng khen”, “Giấy khen” của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng: “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.

Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (phụ trách công tác thi đua, khen thưởng) quyết định tặng hoặc đề nghị tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân trong Tòa án nhân dân khi có sự phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao quyết định tặng các danh hiệu thi đua: “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và hình thức khen thưởng “Giấy khen” cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định tặng các danh hiệu thi đua: “Cờ thi đua Tòa án nhân dân”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân” và các hình thức khen thưởng: Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án”, “Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao”, danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao xem xét, trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng các danh hiệu thi đua: “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và hình thức khen thưởng “Giấy khen” cho tập thể, cá nhân trong Tòa án nhân dân cấp tỉnh và các Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc quyền quản lý.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định tặng các danh hiệu thi đua: “Cờ thi đua Tòa án nhân dân”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân” và các hình thức khen thưởng: Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án”, “Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao”, danh hiệu vinh dự Tòa án nhân dân.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

Điều 28. Trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đó.

2. Nghi thức tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

3. Việc tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là dịp để biểu dương, tôn vinh gương người tốt, việc tốt và những điển hình tiên tiến, phải bảo đảm trang trọng, thiết thực, tránh phô trương, hình thức, lãng phí; khi tổ chức cần kết hợp vào dịp hội nghị tổng kết công tác của cơ quan, đơn vị hoặc lồng ghép với các nội dung khác để tiết kiệm thời gian và chi phí.

4. Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

5. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

6. Việc tổ chức trao tặng ở ngoài nước do Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chủ trì thực hiện theo đề nghị bằng văn bản của cơ quan trình khen thưởng. Cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm chuyển quyết định, hiện vật khen thưởng và phối hợp với Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để tổ chức trao tặng đảm bảo trang trọng và phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 29. Thời gian bình xét thi đua, đề nghị khen thưởng và báo cáo số liệu phục vụ công tác thi đua, khen thưởng

1. Thời gian của năm thi đua được tính từ ngày 01 tháng 12 năm trước liền kề đến ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Các cơ quan, đơn vị tiến hành sơ kết công tác thi đua, khen thưởng xong trước ngày 15 tháng 6; tổng kết công tác thi đua và xét tặng hoặc đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng vào dịp tổng kết công tác gửi về Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao trước ngày 30 tháng 12 hàng năm; riêng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gửi trước ngày 15 tháng 8 hàng năm.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước gửi về Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

4. Hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động” gửi về Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao từ ngày 01 tháng 11 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 trước năm tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc, trừ những trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất.

5. Báo cáo số liệu phục vụ công tác thi đua, khen thưởng gửi về Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 30. Thủ tục xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Các trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải làm báo cáo thành tích để trình bày tại cuộc họp bình xét thi đua, khen thưởng của tập thể nhỏ hoặc của Tòa án nhân dân cấp huyện (đối với trường hợp thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện). Sau khi xem xét, đánh giá thành tích, tiến hành bỏ

phiếu lựa chọn tập thể, cá nhân đạt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo trình tự từ thấp lên cao.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Người đứng đầu tập thể nhỏ lập hồ sơ các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở hoặc Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị (đối với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Học viện Tòa án) để xem xét.

Thành phần Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị, gồm: Tập thể lãnh đạo đơn vị, đại diện lãnh đạo: cấp ủy, công đoàn, đoàn thanh niên, tập thể nhỏ thuộc đơn vị (nếu có). Đối với các đơn vị có Lãnh đạo, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sinh hoạt cùng thì mời tham dự để chỉ đạo.

Chỉ các trường hợp được ít nhất 2/3 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tập thể nhỏ hoặc trong Tòa án nhân dân cấp huyện đồng ý mới được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở, Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị tổ chức phiên họp để xem xét các trường hợp đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Phiên họp Hội đồng, Hội nghị chỉ được tổ chức khi có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng, Hội nghị.

Chỉ các trường hợp được ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng, Hội nghị đồng ý mới được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở, Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ra quyết định tặng hoặc đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tổ chức phiên họp để xem xét các trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định, đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Phiên họp Hội đồng chỉ được tổ chức khi có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng.

Chỉ các trường hợp được ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng đồng ý mới được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Riêng kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng khi xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động” phải có số phiếu đồng ý từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên của Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

5. Căn cứ đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định tặng hoặc đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền.

6. Mỗi vòng bỏ phiếu lựa chọn đề nghị tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng chỉ được tiến hành không quá 02 lần bỏ phiếu. Nếu sau hai lần

bỏ phiếu mà chưa lựa chọn được, thì việc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Người có thẩm quyền quy định tại Điều 27 Thông tư này hoặc Trưởng Cụm và Phó Trưởng Cụm thi đua quyết định (đối với Cờ thi đua). Trong trường hợp này, tập thể, cá nhân là nhân tố mới, có thành tích nổi bật hơn sẽ được ưu tiên xem xét.

7. Đối với cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trên cơ sở ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái.

8. Đối với cá nhân chuyển công tác thì cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị cũ).

Điều 31. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước khác cho tập thể, cá nhân gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở hoặc Biên bản Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị và Biên bản kiểm phiếu;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này và được cấp có thẩm quyền xác nhận (05 bản chính: 01 bản lưu tại cơ quan, đơn vị; 04 bản gửi Tòa án nhân dân tối cao).

Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải nêu rõ nội dung đề tài, sáng kiến, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực kèm theo ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở (trường hợp đề tài, sáng kiến, giải pháp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận thay cho ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở).

d) Tờ trình kèm theo Biên bản Hội nghị tổng kết và Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm của Cụm thi đua đối với trường hợp đề nghị danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”.

đ) Các file điện tử của hồ sơ đề nghị xét tặng (ở định dạng .doc đối với tờ trình, báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng, ở định dạng .Excel đối với danh sách và .pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) gửi đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng: vuthiduakhenthuong@gmail.com

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cho tập thể, cá nhân gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở hoặc Biên bản Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị (đối với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao) và Biên bản kiểm phiếu;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này (02 bản chính: 01 bản lưu tại cơ quan, đơn vị; 01 bản gửi Tòa án nhân dân tối cao).

Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải nêu rõ nội dung đề tài, sáng kiến, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực kèm theo ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở (trường hợp đề tài, sáng kiến, giải pháp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận thay cho ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở).

d) Tờ trình kèm theo Biên bản Hội nghị tổng kết và Biên bản kiểm phiếu đề nghị của Cụm thi đua đối với trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua Tòa án nhân dân”.

đ) Các file điện tử của hồ sơ đề nghị xét tặng (ở định dạng .doc đối với tờ trình, báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng, ở định dạng .Excel đối với danh sách và .pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) gửi đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng: vuthidukhenthuong@gmail.com

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh cho tập thể, cá nhân gồm:

a) Tờ trình của Người đứng đầu tập thể nhỏ, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản cuộc họp bình xét thi đua, khen thưởng của tập thể nhỏ, Tòa án nhân dân cấp huyện và Biên bản kiểm phiếu;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải nêu rõ nội dung đề tài, sáng kiến, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực.

Điều 32. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;

b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác, lao động, học tập;

c) Thành tích, công trạng rõ ràng.

2. Việc xem xét, đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản được tiến hành ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước theo thủ tục đơn giản gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản (05 bản chính: 01 bản lưu tại cơ quan, đơn vị; 04 bản gửi Tòa án nhân dân tối cao).

4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo thủ tục đơn giản gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản (02 bản chính: 01 bản lưu tại cơ quan, đơn vị; 01 bản gửi Tòa án nhân dân tối cao).

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo thủ tục đơn giản gồm:

a) Tờ trình của người đứng đầu đơn vị giúp việc Thủ trưởng cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản tóm tắt thành tích của đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Điều 33. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình khen thưởng

1. Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Chủ tịch nước.

Đối với hồ sơ không đầy đủ, không đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm thông báo cho cơ quan, đơn vị trình và xác định rõ thời hạn hoàn thiện hồ sơ gửi lại cho Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao.

2. Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Chủ tịch nước là 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân họp xem xét đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao phải hoàn tất các thủ tục, hồ sơ theo quy định để trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 34. Quản lý, lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng

1. Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm quản lý, lưu giữ hồ sơ, ghi sổ, thống kê theo dõi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước; thực hiện bàn giao hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho đơn vị lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Tòa án quân sự Trung ương, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, lưu giữ hồ sơ, ghi sổ, thống kê theo dõi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền; thực hiện bàn giao hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho đơn vị lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Các quyết định về thi đua, khen thưởng của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh phải gửi cho Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao 01 bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành quyết định.

3. Hồ sơ về thi đua, khen thưởng được lưu trữ trên giấy và lưu trữ điện tử theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 35. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị theo định kỳ và đột xuất.

Nội dung kiểm tra gồm:

- a) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;
- b) Tình hình tổ chức công tác thi đua, khen thưởng;
- c) Việc thực hiện các phong trào thi đua, chỉ tiêu thi đua, chấm điểm thi đua;
- d) Việc quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân xây dựng kế hoạch, thành lập các tổ kiểm tra và tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị trong Tòa án nhân dân có đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua Tòa án nhân dân”, “Cờ thi đua của Chính phủ” để làm căn cứ bình xét, đề nghị khen thưởng.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC - SÁNG KIẾN

Điều 36. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân, gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng là Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
 - b) Hội đồng có từ 03 đến 04 Phó Chủ tịch. Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực, các Phó Chủ tịch khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.
 - c) Các Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo: cấp ủy đảng, công đoàn Tòa án nhân dân tối cao và một số đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao.
3. Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

Điều 37. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở do Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập tại Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Thủ trưởng cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng (đối với Tòa án quân sự các cấp do Chánh án Tòa án quân sự trung ương quyết định theo quy định).
2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở, gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan.
 - b) Hội đồng có từ 03 đến 04 Phó Chủ tịch. Người đứng đầu đơn vị có chức năng giúp việc cho lãnh đạo cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực, các Phó Chủ tịch khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.
 - c) Các Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo: cấp ủy đảng, công đoàn và một số đơn vị thuộc cơ quan (đối với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh có từ 01 đến 02 Ủy viên là Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện).
3. Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động do Thủ trưởng cơ quan ban hành.

Điều 38. Hội đồng Khoa học - Sáng kiến Tòa án nhân dân

1. Hội đồng Khoa học - Sáng kiến Tòa án nhân dân do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định thành lập, có trách nhiệm giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.
2. Thành phần Hội đồng Khoa học - Sáng kiến Tòa án nhân dân, gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng là Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng;
 - b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Phó Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân tối cao;
 - c) Các Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo: Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, một số cá nhân thuộc Tòa án nhân dân tối cao có trình độ chuyên môn sâu về quản lý, nghiên cứu khoa học, đánh giá, thẩm định sáng kiến, đề tài khoa học.
3. Hội đồng có từ 5 đến 7 thành viên.
4. Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

Điều 39. Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở

1. Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở do Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập tại Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cơ quan xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học (đối với Tòa án quân sự các cấp do Chánh án Tòa án quân sự trung ương quyết định theo quy định).

2. Thành phần Hội đồng Khoa học - Sáng kiến cơ sở gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Phó Thủ trưởng cơ quan;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là đại diện lãnh đạo đơn vị có chức năng giúp việc cho lãnh đạo cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng;

c) Các Ủy viên Hội đồng là một số cá nhân trong cơ quan có trình độ quản lý chuyên môn, nghiên cứu khoa học, đánh giá, thẩm định sáng kiến, đề tài khoa học.

3. Hội đồng có từ 3 đến 5 thành viên.

4. Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động do Thủ trưởng cơ quan ban hành.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG TÒA ÁN NHÂN DÂN

Điều 40. Lập, sử dụng và quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng Tòa án nhân dân: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng Tòa án nhân dân: Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

3. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng Tòa án nhân dân: Thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 41. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi

1. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi: Thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75 của Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Tiền khung

a) Không quá 0,2 lần mức lương cơ sở đối với 01 khung Bằng khen, Giấy chứng nhận (Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân, Thẩm phán giỏi, Thẩm phán tiêu biểu, Thẩm phán mẫu mực).

b) Không quá 0,15 lần mức lương cơ sở đối với 01 khung Giấy khen, Giấy chứng nhận (Tập thể lao động xuất sắc, Tập thể lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Lao động tiên tiến, Kỷ niệm chương).

Chương VII

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HỦY BỎ KHEN THƯỞNG, TƯỚC HOẶC PHỤC HỒI DANH HIỆU

Điều 42. Quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể

Quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 76 và 77 của Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 43. Hủy bỏ quyết định khen thưởng, tước hoặc phục hồi danh hiệu

Hủy bỏ quyết định khen thưởng, tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo quy định tại các Điều 78 và 79 của Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 6 năm 2018.
2. Thông tư này được áp dụng để xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc Tòa án nhân dân.
3. Thông tư này thay thế Thông tư số 04/2016/TT-TANDTC ngày 16/9/2016 và các văn bản hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân trước đây trái với quy định trong Thông tư này.

Điều 45. Trách nhiệm tổ chức thi hành

Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương), các Trưởng Cụm thi đua tổ chức thi hành Thông tư này. *HL*

Nơi nhận:

- Các đơn vị thuộc TANDTC, Học viện Tòa án;
- TAQS trung ương;
- Các TAND cấp cao;
- Các TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng trung ương);
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Công báo 02 bản (để đăng Công báo);
- Lưu: VT, VTĐKT(3). T100.

CHÁNH ÁN



Nguyễn Hòa Bình



PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-TANDTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

Các biểu mẫu	Nội dung
Mẫu số 01	Bản đăng ký thi đua
Mẫu số 02	Bản đăng ký xây dựng điển hình tiên tiến
Mẫu số 03	Tờ trình kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng
Mẫu số 04	Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua Tòa án nhân dân và Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Tập thể Lao động xuất sắc; Giấy khen đối với tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác
Mẫu số 05	Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Chiến sỹ thi đua Tòa án nhân dân, Bằng khen và Giấy khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với cá nhân có thành tích thực hiện nhiệm vụ công tác
Mẫu số 06	Báo cáo thành tích đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương cho cá nhân có quá trình cống hiến trong hệ thống Tòa án nhân dân
Mẫu số 07	Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động cho tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác
Mẫu số 08	Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng (truy tặng) danh hiệu Anh hùng Lao động cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác
Mẫu số 09	Báo cáo thành tích đề nghị tặng (truy tặng) Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Giấy khen cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất
Mẫu số 10	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề cho tập thể, cá nhân

Ghi chú: Thể thức và kỹ thuật trình bày của báo cáo thành tích phải được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính; không được viết tắt, trừ trường hợp được quy định; từ 02 tờ trở lên phải đóng dấu giáp lai và phải đảm bảo còn khoảng trống để Tòa án nhân dân tối cao ký, xác nhận (đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước).

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BẢN ĐĂNG KÝ THI ĐUA NĂM ...

SỐ TT	TÊN TẬP THỂ, HỌ VÀ TÊN CÁ NHÂN	DANH HIỆU THI ĐUA								KÝ NHẬN
		TẬP THỂ				CÁ NHÂN				
		LĐTT	LĐXS	CỜ TAND	CỜ CP	LĐTT	CSTĐCS	CSTĐ TAND	CSTĐTQ	
I	TẬP THỂ									
1	...									
2	...									
...	...									
II	CÁ NHÂN									
1	Ông (bà) ...									
2	Ông (bà) ...									
...	...									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đăng ký danh hiệu thi đua nào thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng.

ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

BẢN ĐĂNG KÝ
Xây dựng điển hình tiên tiến năm 20.....

STT	Tên tập thể, cá nhân	Đăng ký mô hình, gương điển hình tiên tiến trong lĩnh vực công tác	Ký nhận
Ví dụ:			
I. Tập thể:			
1	Tòa án nhân dân tỉnh A		
2			
...			
II. Cá nhân - Chức vụ:			
1	Bà Nguyễn Thị H		
2			
...			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Số: /TTr-...

Tỉnh (thành phố), ngày...tháng...năm...

Mẫu số 03

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (hoặc cơ quan, đơn vị cấp trên)

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 47/2005/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13;

Căn cứ Thông tư số .../2018/TT-TANDTC ngày .../.../... của Tòa án nhân dân tối cao quy định công tác thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân và kết quả phiên họp ngày...tháng...năm...của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng...

(1) (hoặc Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị).

.....(1) kính đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (hoặc cơ quan, đơn vị cấp trên) xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân như sau:

I. Đối với tập thể

- ...(2): ...(3) tập thể.
- ...(2): ...(3) tập thể.

...

II. Đối với cá nhân

- ...(2): ...(3) cá nhân.
- ...(2): ...(3) cá nhân.

...

(Có danh sách kèm theo).

...(1) kính đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (hoặc cơ quan, đơn vị cấp trên) xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Tên cơ quan, đơn vị đề nghị.
- Ghi rõ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
- Số lượng.

ĐƠN VỊ

(Áp dụng đối với đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước)

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-..... ngày tháng năm của.....)

STT	Đối tượng khen thưởng	Học hàm học vị, quân hàm	Tên đối tượng đề nghị khen thưởng	Địa chỉ/ chức danh chức vụ công tác	Hình thức khen thưởng	Phương thức khen thưởng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Ông		Nguyễn Văn A		Huân chương Lao động hạng nhất	Cống hiến	
2	Ông		Nguyễn Văn B		Huân chương Lao động hạng nhất	Cống hiến	
1	Bà		Nguyễn Thị C		Huân chương Lao động hạng nhì	Cống hiến	
2	Ông				Huân chương Lao động hạng nhì	Cống hiến	
1	Tập thể		Tòa án nhân dân thành phố....	tỉnh	Huân chương Lao động hạng nhì	Thường niên	
2	Tập thể		Tòa án nhân dân quận	thành phố	Huân chương Lao động hạng nhì	Thường niên	
3	Ông				Huân chương Lao động hạng nhì	Thường niên	
1	Tập thể		Tòa án nhân dân huyện	tỉnh	Huân chương Lao động hạng ba	Thường niên	
2	Tập thể				Huân chương Lao động hạng ba	Thường niên	
3	Bà				Huân chương Lao động hạng ba	Thường niên	
1	Tập thể		Tòa án nhân dân.....	tỉnh Bình Dương	Huân chương Lao động hạng ba	Lập thành tích xuất sắc	
1	Ông				Huân chương Lao động hạng ba	Có công trình khoa học, sáng kiến	
1	Tập thể				Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Thường niên	
2	Ông				Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Thường niên	
1	Ông				Chiến sĩ thi đua toàn quốc	Thường niên	
2	Bà				Chiến sĩ thi đua toàn quốc	Thường niên	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ

(Áp dụng đối với đề nghị
khen thưởng TAND khác)

DANH SÁCH
CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-..... ngày..... tháng..... năm..... của.....)

STT	HỌ TÊN, CHỨC VỤ - ĐƠN VỊ		ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG	TÓM TẮT THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC
1	Tòa án nhân dân tỉnh A			
2	Tòa Hình sự	Tòa án nhân dân tỉnh A		
3	Tòa án nhân dân huyện			
4	Tòa án nhân dân thị xã			
5	Bà	Nguyễn Thị N	Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh A	
6	Ông	Trương Anh T	Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh A	
7	Ông	Lê Văn H	Hội thẩm Toà án nhân dân	
8				

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



ĐƠN VỊ

(Áp dụng đối với đề nghị
khen thưởng TAND cuối năm)

DANH SÁCH
CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG NĂM
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-..... ngày..... tháng..... năm..... của.....)

STT	HỌ TÊN, CHỨC VỤ - ĐƠN VỊ		TỈNH (TP) - ĐƠN VỊ TATC		ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG		SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP, ĐỀ TÀI KHOA HỌC HOẶC SỞ VỤ, VIỆC THAM GIA XÉT XỬ ĐỐI VỚI HỘI THẨM
					DHTĐ	HTKT	
1		Tòa án nhân dân	tỉnh	A			
2		Tòa Hình sự Tòa án nhân dân	tỉnh	A			
3		Văn phòng Tòa án nhân dân	tỉnh	A			
4		Tòa án nhân dân huyện	tỉnh	A			
5		Tòa án nhân dân huyện.....	tỉnh	A			
6		Tòa án nhân dân thị xã	tỉnh	A			
7		Tòa án nhân dân huyện	tỉnh	A			
8	Bà Nguyễn Thị N	Chánh án Tòa án nhân dân	tỉnh		<i>CSTĐTA</i>		1. Năm: 2. Năm: 3. Năm
9	Ông Trương Anh T	Phó Chánh án Tòa án nhân dân	tỉnh			BK	1. Năm: 2. Năm:
10	Ông Lê Văn H	Hội thẩm Toà án nhân dân	tp			BK	1. Năm:vụ, việc 2. Năm:vụ, việc

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04¹

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....²
(Mẫu báo cáo áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
 - Quá trình thành lập và phát triển;
 - Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương:
 - + Về điều kiện tự nhiên, xã hội;
 - + Về cơ cấu tổ chức: ghi cụ thể số lượng cán bộ, công chức, người lao động so với số lượng biên chế được phân bổ; chất lượng; trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị; các phòng, tòa, đơn vị trực thuộc (có sự so sánh so với giai đoạn trước thời điểm đề nghị khen)³
 - + Cơ sở vật chất;
 - + Về các tổ chức đảng, đoàn thể;
2. Chức năng, nhiệm vụ được giao:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Nội dung báo cáo thành tích nêu rõ những thành tích xuất sắc, hoàn thành vượt mức trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) được giao trong thời điểm đề nghị khen, vượt mức các chỉ tiêu thi đua về số lượng, chất lượng, hiệu quả công tác và có sự đánh giá, so sánh với giai đoạn trước thời điểm đề nghị khen (tăng hay giảm: nêu số lượng, chất lượng) gồm:

- Tổng số vụ, việc các loại đã xét xử, giải quyết/tổng số vụ, việc các loại đã thụ lý, đạt tỷ lệ...%; số vụ án bị hủy, sửa, tỷ lệ %, trong đó tỷ lệ số vụ án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan là bao nhiêu và khách quan là bao nhiêu. Cụ thể:

- + Án hình sự
- + Án dân sự
- + Án hôn nhân gia đình
- + Án kinh doanh thương mại
- + Án lao động
- + Án hành chính

(Có sự đánh giá ngắn, gọn về công tác giải quyết, xét xử vụ, việc các loại)

+ Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án (nếu có)

+ Công tác thi hành án hình sự và kiểm tra nghiệp vụ (đối với các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ).

- Số lượng các phiên tòa rút kinh nghiệm và công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử Tòa án (đối với tập thể, cá nhân làm công tác xét xử).

- Công tác xây dựng Tòa án nhân dân và công tác Hội thẩm nhân dân.
- Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, thực hiện báo cáo thống kê, quản lý tài chính, công sản.
- Việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính.
- Các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả trong phạm vi đơn vị, cấp tỉnh hoặc hệ thống Tòa án.
- Công tác xây dựng và nhân điển hình tiên tiến. Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong hệ thống Tòa án nhân dân học tập...

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã hưởng ứng, tổ chức, thực hiện, áp dụng trong thực tiễn công tác. Kết quả của các phong trào thi đua (Báo cáo thành tích phải thể hiện các phong trào thi đua đã giúp đơn vị hoàn thành xuất sắc công tác chuyên môn cũng như các mặt công tác khác, nêu ngắn gọn, cụ thể, có số liệu, không viết chung chung và so sánh với giai đoạn trước thời điểm đề nghị khen).

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chăm lo đời sống cán bộ, công chức, người lao động; hoạt động xã hội, từ thiện... nêu ngắn gọn, cụ thể, có số liệu, không viết chung chung (so sánh với giai đoạn trước thời điểm đề nghị khen).

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động và xếp loại của tổ chức đảng, đoàn thể (kèm theo giấy chứng nhận hoặc quyết định công nhận).

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG⁴

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
		(Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định, cơ quan ban hành quyết định và gửi kèm theo 01 bản quyết định)

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
		(Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định, cơ quan ban hành quyết định và gửi kèm theo 01 bản quyết định)

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

¹ Báo cáo thành tích 25 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Sao vàng; 10 năm đối với Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập; 05 năm đối với Huân chương Lao động và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 02 năm đối với Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; 01 năm đối với Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua Tòa án nhân dân, Tập thể lao động xuất sắc và Giấy khen.

² Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

³ Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các tiêu chí cơ bản trong việc, thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị (có so sánh với năm trước hoặc 03 năm, 05 năm trước thời điểm đề nghị khen).

⁴ Nêu các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khen thưởng.

Mẫu số 05¹

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG.....²**
(Mẫu báo cáo áp dụng đối với cá nhân)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm: Giới tính:.....
- Quê quán³:.....
- Trú quán:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể), đơn vị công tác:
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân:

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận (giai đoạn đề nghị tặng thưởng):

2. Thành tích đạt được của cá nhân: (có sự sánh sánh so với giai đoạn trước thời điểm đề nghị tặng thưởng)

- Đối với cá nhân làm công tác quản lý phải nêu tóm tắt thành tích của đơn vị (kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, công tác tham mưu cho lãnh đạo trong phát triển đơn vị, ngành, địa phương; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học; kết quả khen thưởng của đơn vị... (cá nhân không làm công tác quản lý thì không phải nêu).

- Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao (kết quả đã đạt được về số lượng, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện...).

Lưu ý: Đối với các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học: nêu tên các sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được công nhận, có sự đánh giá được áp dụng hiệu quả trong phạm vi ảnh hưởng (theo hình thức đề nghị khen thưởng) và kết quả đạt được trong thực tiễn.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG⁴

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
		(Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định, cơ quan ban hành quyết định và gửi kèm theo 01 bản quyết định)

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
		(Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định, cơ quan ban hành quyết định và gửi kèm theo 01 bản quyết định)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

¹ Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Độc lập; 05 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Lao động và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 06 năm đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc; 03 năm đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân; 02 năm đối với Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; 01 năm đối với Chiến sĩ thi đua cơ sở và Giấy khen.

² Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

³ Đơn vị hành chính: xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

⁴ Nêu các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tặng hoặc phong tặng.

- Ghi rõ số quyết định công nhận danh hiệu thi đua trong 05 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ v.v...

- Đối với đề nghị phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”:

+ Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định của 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố thuộc trung ương” và 06 lần đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” trước thời điểm đề nghị;

+ Ghi rõ nội dung các sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp hữu ích trong quản lý, công tác hoặc đề tài nghiên cứu (tham gia là thành viên hoặc chủ nhiệm đề tài khoa học), có ý kiến xác nhận của Hội đồng sáng kiến, khoa học cấp bộ, cấp tỉnh (ghi rõ văn bản, ngày, tháng, năm) hoặc phải có giấy chứng nhận của Hội đồng kèm theo hồ sơ.

- Đối với báo cáo đề nghị phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân” ghi rõ thời gian 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” trước thời điểm đề nghị; các sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

Mẫu số 06

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG) HUÂN CHƯƠNG.....¹

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên (*Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt*):
- Bí danh²: Nam, nữ:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán³:
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay (*hoặc trước khi nghỉ hưu, từ trần*):
- Chức vụ đề nghị khen thưởng (*Ghi chức vụ cao nhất đã đảm nhận*):
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:.....
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (*hoặc ngày tham gia các đoàn thể*):.....
-
- Năm nghỉ hưu (*hoặc từ trần*):

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng và đánh giá tóm tắt thành tích quá trình công tác⁴.

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ (đảng, chính quyền, đoàn thể)	Đơn vị công tác	Số năm, tháng giữ chức vụ
01/2008-10/2012	Phó Chánh án	Tòa án nhân dân tỉnh A	04 năm 10 tháng <i>(tương đương Phó Vụ trưởng)</i>
11/2012-04/2018 (lúc nghỉ hưu)	Chánh án	Tòa án nhân dân tỉnh A	05 năm 06 tháng <i>(tương đương Vụ trưởng)</i>

- Thời gian giữ chức vụ tương đương Phó Vụ trưởng: 04 năm 10 tháng
- Thời gian giữ chức vụ tương đương Vụ trưởng: 05 năm 06 tháng
- Tổng thời gian giữ chức vụ tương đương Phó Vụ trưởng và Vụ trưởng là: 10 năm 04 tháng.**

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG⁵

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
		(Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định, cơ quan ban hành quyết định và gửi kèm theo 01 bản quyết định)

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
		(Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định, cơ quan ban hành quyết định và gửi kèm theo 01 bản quyết định)

IV. KỶ LUẬT⁶

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ CÁN BỘ XÁC NHẬN⁷**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO⁸
(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

¹ Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.

² Trường hợp có nhiều bí danh thì chỉ ghi bí danh thường dùng.

³ Đơn vị hành chính: Xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) theo địa danh mới.

⁴ Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng. Đối với trường hợp đã nghỉ hưu (hoặc từ trần) chưa được khen thưởng thì báo cáo quá trình công tác đến khi nghỉ hưu (hoặc từ trần).

⁵ Nêu các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen trở lên) đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

⁶ Ghi rõ hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên từ khi công tác đến khi đề nghị khen thưởng (nếu có).

⁷ Đối với cán bộ đã nghỉ hưu, trước khi xác nhận cần xem xét việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại nơi cư trú.

Đối với cán bộ thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý do Ban tổ chức tỉnh ủy hoặc thành ủy xác nhận.

⁸ Đối với cán bộ đã từ trần: Đơn vị quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc từ trần) thì cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu hoặc từ trần có trách nhiệm báo cáo, kê khai quá trình công tác (ghi rõ họ, tên,.. chức vụ người tóm tắt quá trình công tác).

ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 07¹

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Tên tập thể đề nghị

(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương:
 - + Về điều kiện tự nhiên, xã hội;
 - + Về cơ cấu tổ chức: ghi cụ thể số lượng cán bộ, công chức, người lao động so với số lượng biên chế được phân bổ; chất lượng; trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị; các phòng, tòa, đơn vị trực thuộc;
 - + Cơ sở vật chất;
 - + Về các tổ chức đảng, đoàn thể;
 - + Những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Chức năng, nhiệm vụ được giao:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Nêu rõ những thành tích đặc biệt xuất sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (về số lượng, chất lượng, hiệu quả thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, sáng tạo...)².
2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, công tác (Nêu các biện pháp để đạt thành tích dẫn đầu trong đổi mới công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, sáng kiến, kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học... mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với bộ, ngành, địa phương được nhân dân và cấp có thẩm quyền công nhận).
3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên chức; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phòng chống cháy, nổ; các hoạt động xã hội, từ thiện...
4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể (Nêu vai trò, kết quả hoạt động và xếp loại của tổ chức đảng, đoàn thể).

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG³

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
		(Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định, cơ quan ban hành quyết định và gửi kèm theo 01 bản quyết định)

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
		(Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định, cơ quan ban hành quyết định và gửi kèm theo 01 bản quyết định)

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị (trừ trường hợp đặc biệt, đột xuất).

² Nêu rõ nội dung thành tích đạt được theo quy định tại Điều 61 (Anh hùng Lao động) của Luật thi đua, khen thưởng. Thống kê kết quả thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ trong 10 năm gần đây (có so sánh với các năm trước).

³ Nêu các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen, danh hiệu thi đua) đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tặng hoặc phong tặng.

12/11/2018

ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 08¹

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG (TRUY TẶNG) DANH HIỆU ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Họ tên, chức vụ và đơn vị công tác của cá nhân đề nghị tặng thưởng
(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính:.....
- Quê quán²:
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác (hoặc trước khi hy sinh, từ trần):
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia đoàn thể):
- Ngày, tháng, năm hy sinh (hoặc từ trần):
- Quyền hạn, nhiệm vụ được giao:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo, công tác...³
2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, công tác⁴.
3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước⁵.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG⁶

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
		(Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định, cơ quan ban hành quyết định và gửi kèm theo 01 bản quyết định)

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
		(Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định, cơ quan ban hành quyết định và gửi kèm theo 01 bản quyết định)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ XÁC NHẬN

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO⁸

(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị (trừ trường hợp đặc biệt, đột xuất).

² Đơn vị hành chính: Xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố thuộc trung ương) theo địa danh mới.

³ Nêu rõ nội dung thành tích đạt được theo quy định tại Điều 61 của Luật thi đua, khen thưởng.

Đối với lãnh đạo đơn vị cần nêu tóm tắt thành tích của đơn vị; kết quả các mặt công tác trong 10 năm trước thời điểm đề nghị tặng thưởng (có so sánh với các năm trước nhằm làm rõ vai trò của cá nhân đối với tập thể), vai trò cá nhân trong việc tham gia xây tổ chức đảng, đoàn thể (kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể).

⁴ Nêu các biện pháp để đạt được thành tích đặc biệt xuất sắc trong đổi mới công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, sáng kiến, các giải pháp, kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học, mang lại hiệu quả trong công tác... có ý nghĩa đối với bộ, ngành, địa phương, được quần chúng nêu gương học tập và cấp có thẩm quyền công nhận.

⁵ Gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định nơi cư trú; phẩm chất đạo đức, tác phong, xây dựng gia đình văn hóa; tham gia các phong trào thi đua; thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí và các hoạt động xã hội, từ thiện...

⁶ Nêu các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen, danh hiệu thi đua) đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tặng hoặc phong tặng.

⁸ Đối với cá nhân đã hy sinh (tử trần): Ghi rõ họ, tên, chức vụ người viết báo cáo.

10/10/2010

ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG).....¹
(Về thành tích xuất sắc đột xuất trong.....)

Tên đơn vị hoặc cá nhân, chức vụ và đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi rõ đầy đủ không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được (trong công tác; phòng, chống tội phạm; phòng, chống bão lụt; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của Nhà nước; bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân...).

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG³
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ²
(Ký, đóng dấu)

¹ Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.

² Đối với đơn vị hoặc cá nhân: Ký, ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng đơn vị.

³ Đối với cấp trình khen thưởng: Ký, ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng.

ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 10

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG.....¹

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về số lượng, chất lượng, hiệu quả... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua hoặc chuyên đề thi đua; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả công tác, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua...².

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG³
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ⁴
(Ký, đóng dấu)

¹ Ghi hình thức đề nghị khen thưởng. Chỉ áp dụng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương; trường hợp xuất sắc, tiêu biểu mới đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, trường hợp đặc biệt xuất sắc trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương.

² Nếu là tập thể phải nêu việc thực hiện nhiệm vụ công tác chuyên môn và các mặt công tác khác.

³ Đối với đơn vị hoặc cá nhân: Ký, ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng đơn vị.

⁴ Đối với cấp trình khen thưởng: Ký, ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng.

